

Số: **2006**/QĐ-BNN-CN

Hà Nội, ngày **30** tháng 8 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật cho Dự án "Phát triển giống gà lông màu chất lượng cao tại Miền Trung giai đoạn 2013-2015"**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008;

Căn cứ Quyết định số 2194/QĐ-TTg ngày 25/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1666/QĐ-BNN-XD ngày 22/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án "Phát triển giống gà lông màu chất lượng cao tại Miền Trung giai đoạn 2013-2015";

Căn cứ Biên bản họp ngày 02/8/2013 của Hội đồng tư vấn về việc phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật Dự án "Phát triển giống gà lông màu chất lượng cao tại Miền Trung giai đoạn 2013-2015" được thành lập theo Quyết định số 205/QĐ-CN-GSN ngày 30/7/2013 của Cục Trưởng Cục Chăn nuôi; Tờ trình số 46/TTr-TTMT-NVTH ngày 24/7/2013 của Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển chăn nuôi miền Trung về việc phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho Dự án nói trên;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật cho Dự án "Phát triển giống gà lông màu chất lượng cao tại Miền Trung giai đoạn 2013-2015" do Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển chăn nuôi miền Trung làm chủ đầu tư tại 03 phụ lục chi tiết kèm theo.

**Điều 2.** Định mức kinh tế kỹ thuật này làm cơ sở cho việc tính toán, xây dựng, kiểm tra đánh giá việc thực hiện Dự án nói trên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Thủ Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

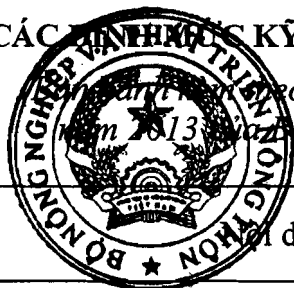


**Phan Tâm**

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

**Phụ lục I**

**CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHO GÀ REDBRO S ÔNG BÀ NHẬP NỘI**



theo Quyết định số **2006/QĐ-BNN-CN** ngày **30 tháng 8**  
năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

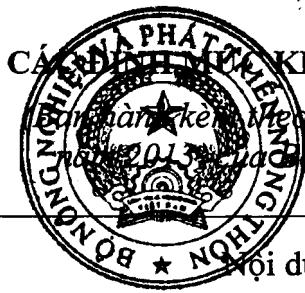
Số TT	Mô tả nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
1	Số lượng gà ông bà Redbro S một ngày tuổi nhập khẩu:		
	Dòng A	Con	50
	Dòng B	Con	250
	Dòng C	Con	200
	Dòng D	Con	1.000
2	Thời gian nuôi cách ly	Ngày	45
3	Giai đoạn gà con: Từ 1 đến 35 ngày		
	Tỷ lệ sống	%	Không nhỏ hơn 90
	Tỷ lệ chọn lọc	%	Không nhỏ hơn 90
	Khối lượng dòng A	Kg/con	Không nhỏ hơn 0,77
	Khối lượng dòng B	Kg/con	Không nhỏ hơn 0,53
	Khối lượng dòng C	Kg/con	Không nhỏ hơn 0,68
	Khối lượng dòng D	Kg/con	Không nhỏ hơn 0,44
4	Giai đoạn hậu bị: từ 36 đến 161 ngày (trong đó có 5 tuần dựng đẻ)		
	Tỷ lệ sống	%	Không nhỏ hơn 93
	Tỷ lệ chọn lọc	%	Không nhỏ hơn 95
	Khối lượng dòng A	Kg/con	Từ 2,3-2,4
	Khối lượng dòng B	Kg/con	Từ 1,7-1,8
	Khối lượng dòng C	Kg/con	Từ 2,2-2,3
	Khối lượng dòng D	Kg/con	Từ 1,5-1,6
5	Giai đoạn sinh sản (41 tuần đẻ)		
	Tỷ lệ giảm đàn	%/tháng	Không lớn hơn 2
	Tuổi đẻ mái B	Tuần	Từ 24-25
	Tuổi đẻ mái D	Tuần	Từ 23-24
	Năng suất trứng của mái B/41 tuần đẻ	Quả/mái	Không nhỏ hơn 92
	Năng suất trứng của mái D/41 tuần đẻ	Quả/mái	Không nhỏ hơn 156
	Tỷ lệ chọn trứng giống	%	Không nhỏ hơn 90

*Chữ ký*

Tỷ lệ trứng có phôi	%	Không nhỏ hơn 90
Tỷ lệ nở/trứng có phôi	%	Không nhỏ hơn 90
Tỷ lệ gà loại 1	%	Không nhỏ hơn 95
Số con 1 ngày tuổi chọn làm giống của mái B	Con/mái	Không nhỏ hơn 25
Số con 1 ngày tuổi chọn làm giống của mái D	Con/mái	Không nhỏ hơn 40

*OK*

www.LuatVietnam.vn



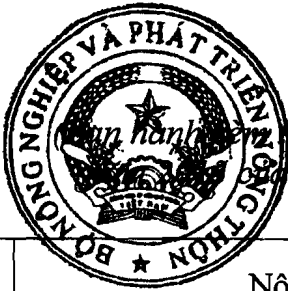
**Phụ lục II**

**CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ CHO GÀ REDBRO S ÔNG BÀ NHẬP NỘI**

Quyết định số **2006/QĐ-BNN-CN** ngày **30 tháng 8**  
năm **2013** của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
1	Tiêu tốn thức ăn		
	Giai đoạn gà con (1-35 ngày tuổi)	Kg/con	1,2
	Giai đoạn hậu bị (36-161 ngày tuổi)	Kg/con	9,6
	Giai đoạn sinh sản (41 tuần đẻ)	Kg/10 quả trứng	3,3
2	Chi phí thú y so với tổng chi phí chăn nuôi	%	Không lớn hơn 6
	Vắc xin Newcastle	Lần	4
	Vắc xin Marek	Lần	1
	Vắc xin Gumboro	Lần	4
	Vắc xin cúm gia cầm	Lần	3
	Vắc xin đậu	Lần	1
	Thuốc kháng sinh phòng bệnh	Lần	6
	Lấy mẫu xét nghiệm 45 ngày tuổi với các bệnh: Cúm gia cầm, CRD, thương hàn, Newcastle, Micoplasma	%/tổng đàn	Không lớn hơn 10%
3	Chi phí vật rẻ tiền mau hỏng so với tổng chi phí chăn nuôi	%	3
4	Chi phí điện nước so với tổng chi phí chăn nuôi	%	2
5	Chi phí công lao động so với tổng chi phí chăn nuôi	%	13

*OK*



**Phụ lục III**  
**ĐỊNH MỨC VỀ ĐÀO TẠO**  
**VÀ TẬP HUẤN KỸ THUẬT**

theo Quyết định số **2006/QĐ-BNN-CN** ngày **30** tháng **8**  
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
1	Đào tạo kỹ thuật trong nước		
1.1	Đào tạo kỹ thuật làm công tác giống		
	Số lượng cán bộ được đào tạo	người	3
	Số ngày đào tạo	ngày/người	10
1.2	Đào tạo kỹ thuật chọn trồng mái		
	Số lượng cán bộ được đào tạo	người	2
	Số ngày đào tạo	ngày/người	30
2	Tập huấn kỹ thuật		
2.1	Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi gà		
	Số lớp tập huấn	lớp	5
	Số lượng người/lớp	người	30
	Số ngày tập huấn/lớp	ngày	2
	Số lượng giảng viên/lớp	người/ngày	2
	Số người phục vụ/lớp	người/ngày	2
	Biên soạn tài liệu	trang	50
	Phô tô tài liệu	bộ	150
2.2	Tập huấn kỹ thuật thú y		
	Số lớp tập huấn	lớp	5
	Số lượng người/lớp	người	30
	Số ngày tập huấn/lớp	ngày	2
	Số lượng giảng viên/lớp	người/ngày	2
	Số người phục vụ/lớp	người/ngày	2
	Biên soạn tài liệu	trang	50
	Phô tô tài liệu	bộ	150